

ĐỀ THAM KHẢO HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024

Môn: Toán học 7

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất

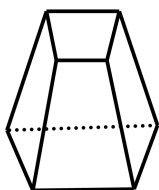
Câu 1. Số hữu tỉ là số viết được dạng phân số

- A. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $a \neq 0$
B. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b \neq 0$
C. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $a = 0$
D. $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$ và $b = 0$

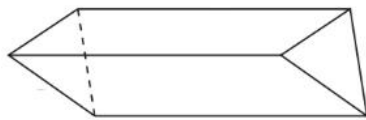
Câu 2. Cho $|x| = 5$ thì

- A. $x = 5$
B. $x = -5$
C. $x = 5$ hay $x = -5$
D. $x = 25$

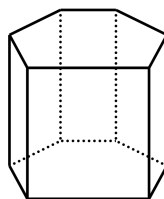
Câu 3. Trong các hình sau, hình nào là hình hộp chữ nhật ?



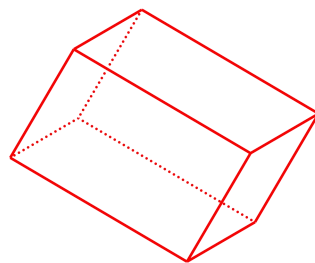
Hình 1



Hình 2



Hình 3



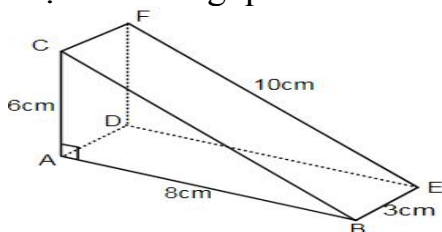
Hình 4

- A. Hình 1
B. Hình 2
C. Hình 3
D. Hình 4

Câu 4. Hình lập phương là hình có

- A. 6 mặt là hình chữ nhật
B. 6 mặt là hình vuông
C. 6 mặt là hình thoi
D. 6 mặt là hình bình hành

Câu 5. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng là



- A. 27 cm^2
- B. 170 cm^2
- C. 72 cm^2
- D. 126 cm^2

Câu 6. Kết quả làm tròn số 4,5637 đến chữ số hàng phần trăm là

- A. 4,56
- B. 4,6
- C. 4,564
- D. 5

Câu 7. Tìm tính chưa hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau:

Kết quả xếp loại học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tỉ lệ phần trăm
Tỉ lệ phần trăm	40%	30%	25%	10%	100%

- A. Tỉ lệ phần trăm về kết quả xếp loại học tập của tổng vượt quá 100%.
- B. Tổng tỉ lệ phần trăm các loại không bằng đúng 100%.
- C. Cả hai câu A và B đều đúng.
- D. Cả hai câu A và B đều sai.

Câu 8. Cửa hàng bán điện máy thực hiện khuyến mãi giảm 20% cho mỗi sản phẩm. Hỏi chị A mua 1 chiếc máy lạnh thì phải trả bao nhiêu? Biết giá niêm yết của 1 chiếc máy lạnh là 14 triệu đồng.

- A. 2,8 triệu đồng
- B. 16,8 triệu đồng
- C. 28 triệu đồng
- D. 11,2 triệu đồng

II. PHẦN TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài 1. (2,5 điểm) Thực hiện phép tính

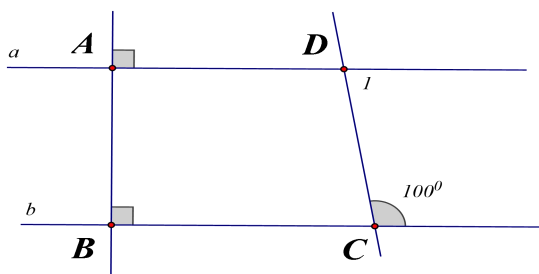
- a) $\frac{3}{2} - \frac{5}{2} \cdot \frac{2}{3}$
- b) $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} : \left(\sqrt{\frac{25}{9}} - 1 \right)^2$
- c) $\frac{1}{4} \cdot |-2| + \frac{3}{\sqrt{4}} : \left(\frac{5}{2} - 1 \right)^2$

Bài 2. (1,5 điểm)

- a) $\frac{5}{4}x + \frac{1}{3} = \frac{-2}{5}$
- b) $|x| - \frac{7}{3} = \frac{-3}{2}$

Bài 3. (1 điểm) Cho hình vẽ, biết $a \perp AB$; $b \perp AB$; $\widehat{C} = 100^\circ$

- a. Chứng tỏ $a \parallel b$.
- b. Tính $\widehat{D_1}$?

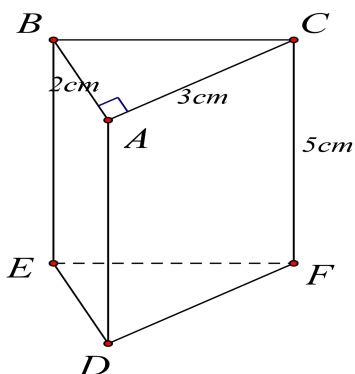


Bài 4. (1,0 điểm) Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 2m, chiều rộng 1,8m và chiều cao 1,5m.

a) Tính thể tích bể nước ?

b) Người ta đổ nước vào trong bể thì thấy mực nước cách miệng bể là 0,4m. Hỏi thể tích của nước có trong bể là bao nhiêu ?

Bài 5. (1,0 điểm) Một cái bục hình lăng trụ đứng có kích thước như hình dưới đây:



Tính thể tích cái bục?

Bài 6. (1 điểm) Định mức giá điện sinh hoạt năm 2022 như sau:



Bậc	Định mức sử dụng(kWh)	Đơn giá (đồng/kWh)
1	Từ 0 đến 50	1 549
2	Từ 51 đến 100	1 600
3	Từ 101 đến 200	1 858
4	Từ 201 đến 300	2 340
5	Từ 301 đến 400	2 834
6	Từ 401 trở lên	2 927

▪ Tiền điện được tính như sau:

✓ Tiền điện = Số kWh tiêu thụ $\times$ giá tiền/kWh (theo bậc).

✓ Thuế GTGT(10%) = Tiền điện $\times$ 10%.

✓ Tổng cộng tiền thanh toán = Tiền điện + thuế GTGT.

Trong tháng 11/2022, nhà bạn Dung sử dụng hết 154 kWh điện. Tính tổng số tiền điện nhà bạn Dung phải trả ?

